TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV NHIỆT ĐIỆN THỦ ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 307/QĐ-NĐTĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc áp dụng khung thời gian trích khấu hao các loại tài sản cố định trong Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV NHIỆT ĐIỆN THỦ ĐỨC

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhiệt điện Thủ Đức ban hành kèm theo quyết định 324/QĐ-EVN ngày 12/12/2018 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-EVN ngày 06 tháng 06 năm 2025 của Tập Đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy định quản lý tài sản, nguồn vốn và huy động vốn trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Biên bản số 88/BB-NĐTĐ ngày 25/06/2025 của Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức về việc họp thống nhất áp dung khung thời gian trích khấu hao các loại tài sản cố định trong Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Tài chính và Kế Toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng khung thời gian trích khấu hao các loại tài sản cố định trong Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức (đính kèm phụ lục).

Điều 2. Quyết định này có lực kể từ ngày Quyết định số 772/QĐ-EVN ngày 06 tháng 06 năm 2025 của Tập Đoàn Điện lực Việt Nam có hiệu lực, áp dụng từ năm tài chính 2025 và thay thế Quyết định số 286/QĐ-NĐTĐ ngày 25/02/2022 của Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức về việc áp dụng Quy chế Quản lý tài sản và nguồn vốn trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam và thay thế Quyết định số 924/QĐ-NĐTĐ ngày 02/06/2022 của Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức về việc áp dụng Quy chế huy động vốn, chuyển nợ vay và bảo lãnh vay vốn trong Tập đoàn điện lực Quốc gia Việt Nam.

Điều 3. Phó Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị trong Công ty và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- BGĐ (Để biết);
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHIỆT ĐIỆN THỦ ĐỨC

Đỗ Thanh Tuyền

PHỤ LỤC

KHUNG THỜI GIAN TRÍCH KHẤU HAO CÁC LOẠI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ÁP DỤNG TRONG CÔNG TY TNHH MTV NHIỆT ĐIỆN THỦ ĐỨC

Danh mục các nhóm tài sản cố định	Thời gian trích khấu hao áp dụng tại EVN	Thời gian trích khấu hao áp dụng tại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức
A - Máy móc, thiết bị động lực		
1. Máy phát động lực	10	10
2. Máy phát điện	10	10
2.1 Hệ thống các tấm pin mặt trời bao gồm toàn bộ thiết bị hệ thống điện mặt trời (tấm pin, bộ biến đổi,…).	10	10
3. Máy biến áp và thiết bị nguồn điện	10	10
3.1 Hệ thống điện gió	10	10
4. Máy móc, thiết bị động lực khác	10	10
B - Máy móc, thiết bị công tác		
1. Máy công cụ	10	10
2. Máy móc thiết bị dùng trong ngành khai khoáng	8	8
3. Máy kéo	8	8
4. Máy dùng cho nông, lâm nghiệp	8	8
5. Máy bơm nước và xăng dầu	8	8
6. Thiết bị luyện kim, gia công bề mặt chống gỉ và ăn mòn kim loại	10	10
7. Thiết bị chuyên dùng sản xuất các loại hoá chất	10	10
8. Máy móc, thiết bị chuyên dùng sản xuất vật liệu xây dựng, đồ sành sứ, thuỷ tinh	20	20
9. Thiết bị chuyên dùng sản xuất các linh kiện và điện tử, quang học, cơ khí chính xác	12	12
10. Máy móc, thiết bị dùng trong các ngành sản xuất da, in văn phòng phẩm và văn hoá phẩm	10	10
11. Máy móc, thiết bị dùng		

Danh mục các nhóm tài sản cố định	Thời gian trích khấu hao áp dụng tại EVN	Thời gian trích khấu hao áp dụng tại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức
trong ngành dệt		
12. Máy móc, thiết bị dùng trong ngành may mặc		
13. Máy móc, thiết bị dùng trong ngành giấy		
14. Máy móc, thiết bị sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm	12	12
15. Máy móc, thiết bị điện ảnh, y tế	12	12
16. Máy móc, thiết bị viễn thông, thông tin, điện tử, tin học và truyền hình	5	5
17. Máy móc, thiết bị sản xuất dược phẩm		
18. Máy móc, thiết bị công tác khác	10	10
19. Máy móc, thiết bị dùng trong ngành lọc hoá dầu		
20. Máy móc, thiết bị dùng trong thăm dò khai thác dầu khí.		
21. Máy móc thiết bị xây dựng	12	12
22. Cần cẩu	10	10
C - Dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm		
1. Thiết bị đo lường, thử nghiệm các đại lượng cơ học, âm học và nhiệt học	10	10
2. Thiết bị quang học và quang phổ	10	10
3. Thiết bị điện và điện tử	8	8
4. Thiết bị đo và phân tích lý hoá	10	10
5. Thiết bị và dụng cụ đo phóng xạ	10	10
6. Thiết bị chuyên ngành đặc biệt	8	8
7. Các thiết bị đo lường, thí nghiệm khác	10	10
8. Khuôn mẫu dùng trong công	5	5

Danh mục các nhóm tài sản cố định	Thời gian trích khấu hao áp dụng tại EVN	Thời gian trích khấu hao áp dụng tại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức
nghiệp đúc		
D - Thiết bị và phương tiện vận tải		
1. Phương tiện vận tải đường bộ	10	10
2. Phương tiện vận tải đường sắt	15	15
3. Phương tiện vận tải đường thuỷ	15	15
4. Phương tiện vận tải đường không	20	20
5. Thiết bị vận chuyển đường ống	30	30
6. Phương tiện bốc dỡ, nâng hàng	10	10
7. Thiết bị và phương tiện vận tải khác	10	10
8. Đường dây tải điện	10	10
E - Dụng cụ quản lý		
1. Thiết bị tính toán, đo lường	5	5
2. Máy móc, thiết bị thông tin, điện tử	5	5
3. Phương tiện và dụng cụ quản lý khác	5	5
G - Nhà cửa, vật kiến trúc		
1. Nhà cửa loại kiên cố	25	25
1.1 Hệ thống giá đỡ đường ống loại kiên cố	25	25
1.2 Hệ thống nước làm mát loại kiên cố	25	25
1.3 Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp loại kiên cố	25	25
1.4 Nhà cửa loại kiên cố khác	25	25
2. Nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn giữa ca, nhà vệ sinh, nhà thay quần áo, nhà để xe...	15	15

Danh mục các nhóm tài sản cố định	Thời gian trích khấu hao áp dụng tại EVN	Thời gian trích khấu hao áp dụng tại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức
3. Nhà cửa khác	12	12
4. Kho chứa, bể chứa; cầu, đường, đường băng sân bay; bãi đỗ, sân phơi...	20	20
5. Kè, đập, cống, kênh, mương máng, bến cảng, ụ triền đà...		
5.1 Đập thuỷ điện bằng bê tông	20	20
5.2 Đập thuỷ điện bằng đất và nguyên liệu khác	15	15
5.3 Hệ thống kênh dẫn nước, kênh xả nước	15	15
5.4 Đường ống áp lực của nhà máy thủy điện	15	15
5.5 Cửa nhận nước	15	15
5.6 Hệ thống đường hầm dẫn nước	15	15
5.7 Tháp điều áp	15	15
5.8 Hệ thống phao neo, khung neo, giá đỡ thuộc NMĐ mặt trời	15	15
5.9 Các loại kè đê, đập khác	15	15
6. Các vật kiến trúc khác	10	10
H - Súc vật, vườn cây lâu năm		
1. Các loại súc vật	15	15
2. Vườn cây công nghiệp, vườn cây ăn quả, vườn cây lâu năm.	40	40
3. Thảm cỏ, thảm cây xanh.	8	8
I - Các loại tài sản cố định hữu hình khác chưa quy định trong các nhóm trên	10	10
II Tài sản cố định vô hình		
1. Phần mềm	5	5
2. Tài sản cố định vô hình khác	10	10